

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-PT
Ngày: 05 – 3 - 2018
V/v “tranh chấp kiện đòi nợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Bùi Đình Thông

Các thẩm phán:

Bà: Trần Thị Thu Hiền

Bà: Nguyễn Thị Bích Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2017/TLPT-DS ngày 01/12/2017 về “*Tranh chấp kiện đòi nợ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST, ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L; Địa chỉ: Tiểu khu 10, tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hồng S; Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đình G – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H – Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ: Nguyễn D, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Xóm L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bà Phạm Thị V; Địa chỉ: Tiểu khu 6, Khu phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

- Ông Nguyễn H và bà Ngô Thị M; Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày: Vào năm 2009 ông Phạm Hồng S vay của bà 5 khoản vay gồm: Ngày 12/5/2009 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 1000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay không xác định. Ngày 26/5/2009 vay 15.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 1000đ/1.000.000đ/ngày nhưng không ghi thỏa thuận lãi vào giấy vay, thời hạn vay không xác định. Ngày 24/9/2009 vay 15.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay là 15 ngày. Ngày 05/10/2009 vay 20.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay không xác định. Ngày 07/10/2009 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay đến ngày 17/10/2009.

Các khoản vay này đến ngày 16/4/2012 ông S đã trả được cho bà L 13.500.000 đồng tiền lãi, thực hiện trả vào nhiều lần, cụ thể thời gian nào thì bà không nhớ rõ.

Trong 5 khoản vay nêu trên thì khoản vay 20.000.000 đồng ngày 12/5/2009 ông S có gửi cho bà L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị V là em gái của ông S để bảo đảm. Đến ngày 03/02/2010 do bà V có nhu cầu lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để bán đất nên ông S đã đưa đến cho bà L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn R gửi lại cho bà L để đổi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V đưa về trả cho bà V. Đến ngày 24/02/2013 bà Ngô Thị M, con dâu ông Nguyễn R đã đi cùng chị Phạm Thị L, con dâu của bà M và chị Nguyễn Thị T hàng xóm của bà M đến gặp bà L đưa cho bà L 20.000.000đ để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R về, bà L chỉ lấy của bà M 14.800.000đ, còn 5.200.000đ bà L cho lại bà M và những người đi cùng. Đã nhiều lần bà L đòi ông S trả nợ nhưng ông S không chịu trả nên bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông S phải trả cho bà L số tiền nợ gốc và lãi như hai bên đã thỏa thuận. Tại phiên tòa sơ thẩm thì bà L thay đổi yêu cầu ông S phải trả cho bà L số tiền nợ gốc và lãi suất do pháp luật quy định. Ngoài ra, trong đơn khởi kiện và các bản khai bà L còn yêu cầu ông S phải trả khoản ông S và bà Nguyễn Thị T chung nhau vay bà L 16.000.000đ vào ngày 13/10/2009, lãi suất 5000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay không xác định. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà L rút yêu cầu đòi khoản nợ này.

Bị đơn ông Phạm Hồng S trình bày: 5 khoản vay mà bà L kiện ông mặc dù ông là người đứng tên bên vay và chữ ký bên vay trong 5 giấy vay tiền đó đều là chữ ký của ông, tuy nhiên trên thực tế ông S chỉ vay hai khoản gồm: Ngày 12/5/2009 vay 20.000.000đ, lãi suất 1000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay không

xác định và khoản vay ngày 26/5/2009 vay 15.000.000đ, không lãi, thời hạn vay không xác định.

Hai khoản này ông S thế chấp cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị V và ông đã trả xong nợ với số tiền là 35.000.000 đồng cho bà L từ tháng 8 năm 2009. Còn các khoản vay còn lại không phải do ông S vay bà L mà thực chất là ông S bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị T vay bà L, bà T nhận tiền của bà L còn ông S chỉ đi cùng và bảo lãnh cho bà T. Đến ngày 03/02/2010 ông S vay bà V 70.000.000 đồng trả cho bà L và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V tại bà L về trả cho bà V. Khi trả tiền cho bà L, bà V cầm tiền đi theo ông S đến trả cho bà L vì sợ đưa tiền cho ông S cầm thì ông S sẽ dùng vào việc khác mà không chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng vì chưa trả hết tiền nên ông S phải tiếp tục viết giấy ủy quyền gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R (bố của ông Nguyễn H) cho bà L để bảo đảm dư nợ. Sau đó bà Ngô Thị M, vợ ông Nguyễn H (tức là con dâu ông Nguyễn R) đã trả tiếp cho bà L 20.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R về. Do đó ông S không đồng ý trả các khoản nợ mà bà L kiện đòi, đồng thời ông S yêu cầu bà L phải trả lại cho ông S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R để ông trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn H – bà Ngô Thị M, là người đã gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R cho ông S để nhờ ông S vay hộ tiền trước đó.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V trình bày: ông S đứng ra bảo lãnh cho bà T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V, sau đó bảo lãnh cho bà T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V để bà T vay tiền của bà L, việc vay mượn cụ thể như thế nào bà V không biết. Sau đó dịp tháng 02/2010 bà V phải trả cho bà Liệu 70.000.000đ mới lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Bà V không có yêu cầu gì về khoản tiền bà V trả cho bà L cũng như về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông S nhiều lần vay tiền của bà L và có một số lần bà T có đi cùng. Những lần ông S vay tiền bà L thì bà T không nhận tiền như ông S trình bày. Chỉ có giấy vay tiền ngày 13/10/2009 (trong đó nội dung thể hiện ông S và bà T vay bà L số tiền 16.000.000đ) thì bà không nhớ được bà có nhận tiền từ bà L hay không nhưng sau này ông S ép bà T vay bà V 70.000.000đ trả cho bà L để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V về trả lại cho bà V. Bà T không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày: Năm 2011 ông đến gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R (là bố đẻ) cho ông S để nhờ ông S vay tiền, và ông S đã vay của một ai đó cho ông một số tiền nay ông không nhớ là bao nhiêu. Sau này khi biết ông S gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R cho bà L để vay tiền bà L về cho ông vay lại. Đến năm 2015 bà Ngô Thị M vợ ông H đã đưa cho bà L 20 triệu đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R về.

Với nội dung vụ án trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xét xử: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 1 Điều 147, Điều 167, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các khoản 1, 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo; điểm b khoản 1 Điều 162; Điều 471; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476; Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 xử:

- Buộc ông Phạm Hồng S phải trả cho bà Võ Thị L số tiền nợ cả gốc và lãi là 115.465.000đ (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm sáu lăm nghìn đồng). Ông Phạm Hồng S còn phải trả thêm cho bà Võ Thị L tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 20/9/ 2017 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Hồng S về việc khấu trừ số tiền mà bà Ngô Thị M đã trả cho bà Võ Thị L vào số tiền nợ mà ông Phạm Hồng S phải trả cho bà Võ Thị L. Số tiền này vợ chồng ông Nguyễn H – bà Ngô Thị M tự thỏa thuận giải quyết với bà Võ Thị L hoặc khởi kiện thành một vụ án khác.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Võ Thị L về việc buộc ông Phạm Hồng S phải trả cho bà Võ Thị L khoản nợ 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) mà ông Phạm Hồng S và bà Nguyễn Thị T chung nhau vay bà Võ Thị L vào ngày 13/10/2009.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2017 bị đơn ông Phạm Hồng S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 04/10/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn ông Phạm Hồng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Phạm Hồng S phải trả lãi đối với hai khoản vay không xác định thời hạn là không có cơ sở; đối với khoản tiền 20.000.000 đồng vay ngày 12/5/2009 bà L đã nhận tiền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M nên việc bà L buộc ông Sinh phải trả khoản vay này là không đúng; ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Do vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự,

đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và người đại diện hợp pháp của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

{2} Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

{2.1}. Bị đơn ông Phạm Hồng S cho rằng tất cả 05 khoản vay mà bà Võ Thị L yêu cầu ông phải trả thực chất là có 03 khoản vay của bà Nguyễn Thị T vay bà Võ Thị L và bà T đã trả cho bà L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho bà L là không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hồng S phải trả 05 khoản vay với tổng số nợ gốc 90.000.000 đồng, trong các giấy vay tiền đều thể hiện người đứng ra vay tiền và trực tiếp ký vào sổ nợ bên vay tiền là Phạm Hồng S. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm ông cũng thừa nhận ông là người trực tiếp ký tên vào giấy vay tiền 05 lần cụ thể những lần như bà L trình bày và để bảo đảm các khoản vay ông Sinh đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Phạm Thị V, sau đó đổi lại và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn R cho bà Võ Thị L. Như vậy việc vay mượn tiền giữa ông Phạm Hồng S và bà Võ Thị L đã được giao kết bằng giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Phạm Hồng S phải trả nợ cho bà Võ Thị L là đảm bảo có cơ sở.

Ngoài ra việc ông Phạm Hồng S cho rằng ông đã trả cho bà L số tiền 35.000.000 đồng vào tháng 8/2009 và bà V đã trả cho bà L 70.000.000 đồng vào ngày 03/02/2010, tuy nhiên trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như giai đoạn phúc thẩm, ông S cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Mặt khác lời khai của bà T, ông S, bà V về việc trả khoản nợ 70.000.000 đồng cho bà L mâu thuẫn nhau, ông S khai bà V trực tiếp trả cho bà L 70.000.000 đồng, bà T khai ông S ép bà T vay bà V 70.000.000 đồng để trả cho bà L còn phía nguyên đơn bà Võ Thị L không thừa nhận đã nhận khoản tiền 35.000.000 đồng và 70.000.000 đồng từ ông S hay bà T, bà V như các đương sự trình bày nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận.

{2.2}. Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 12/5/2009, bị đơn ông Phạm Hồng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H cho rằng bà Ngô Thị M vợ của ông Nguyễn H đã trả cho bà Võ Thị L để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Rậm về nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không khấu trừ cho ông S mà vẫn buộc ông S phải trả cho bà L là không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch vay tài sản chỉ xác lập giữa ông S và bà L, ông S là người trực tiếp đứng ra ký tên người vay tiền, giữa ông S, bà L và vợ chồng ông Nguyễn H, bà Ngô Thị M không có thỏa thuận hay ký kết hợp đồng bảo lãnh nào về việc chuyển nghĩa vụ trả nợ của ông S sang bà M, tài liệu viết tay bà L cung cấp cũng không thể hiện nội dung bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S 20.000.000 đồng mà chỉ thể hiện việc bà M đưa cho bà L 20.000.000 đồng để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn R mà bà L đang giữ. Vì vậy số tiền mà bà M đã trả cho bà L để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được khấu trừ vào số nợ của ông S phải trả cho bà L là đúng, trường hợp ông Nguyễn H và bà Ngô Thị M có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hồng S và ông Nguyễn H về yêu cầu này.

{2.3}. Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S về việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả lãi đối với hai khoản vay ngày 12/5/2009 và khoản vay ngày 05/10/2009 là không có cơ sở, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 12/5/2009, khi vay có thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 30/4/2009 (âm lịch) trả nhưng đến ngày 26/5/2009 ông Sinh chưa trả khoản tiền 20.000.000 đồng nhưng vay tiếp 15.000.000 đồng và gộp vào giấy vay ngày 26/02/2009 tổng số tiền là 35.000.000 đồng và khoản vay ngày 05/10/2009 đều không xác định thời hạn vay, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Hồng S phải trả các khoản nợ gốc và lãi như vậy là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự.

{2.4} Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S về việc Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người liên quan, người tham gia tố tụng để làm rõ mâu thuẫn lời khai là vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai của người liên quan ông Nguyễn H, bà Ngô Thị M, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị V và người làm chứng Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn H, bà Ngô Thị M và người làm chứng Nguyễn Thị T đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hồng S.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H, giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

[3]. Về án phí: Bị đơn ông Phạm Hồng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 1 Điều 147, Điều 167, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các khoản 1, 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo; điểm b khoản 1 Điều 162; Điều 471; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476; Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005

Buộc ông Phạm Hồng S phải trả cho bà Võ Thị L số tiền nợ cả gốc và lãi là 115.465.000đ (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Ông Phạm Hồng S còn phải trả thêm cho bà Võ Thị L tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 20/9/ 2017 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Hồng S về việc khấu trừ số tiền mà bà Ngô Thị M đã trả cho bà Võ Thị L vào số tiền nợ mà ông Phạm Hồng S phải trả cho bà Võ Thị L. Số tiền này vợ chồng ông Nguyễn H, bà Ngô Thị M tự thỏa thuận giải quyết với bà Võ Thị L hoặc khởi kiện thành một vụ án khác.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Võ Thị L về việc buộc ông Phạm Hồng S phải trả cho bà Võ Thị L khoản nợ 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) mà ông Phạm Hồng S và bà Nguyễn Thị T chung nhau vay bà Võ Thị L vào ngày 13/10/2009.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thi hành án thì còn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí, lệ phí

- Án phí sơ thẩm: Buộc ông Phạm Hồng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.773.000đ (Năm triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng). Bà Võ Thị L không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số 0005056 ngày 05/12/2016.

Buộc ông Phạm Hồng S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) chi phí cho người làm chứng là bà Nguyễn Thị T, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) mà ông Phạm Hồng S đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền không số ngày 24/8/2017, nay ông Phạm Hồng S được trả lại 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng đã nộp. Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Hồng S liên hệ với Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để được thanh toán.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc ông Phạm Hồng S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai số 0002449 ngày 10/10/2017. Buộc ông Nguyễn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại chi cục thi hành án huyện K theo Biên lai số 0002450 ngày 10/10/2017.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông